

Số: **08** /2017/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày **21** tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Thông tư số 327/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 19/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 30/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc đề nghị thông qua quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, cụ thể như sau:

1. Quy định mức trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

a) Đối với thanh tra tỉnh

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 10 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 10 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 20 tỷ đồng/năm.

b) Đối với thanh tra các sở; thanh tra các huyện, thành phố, thị xã

- Được trích 30% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp đến 2 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm 20% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 2 tỷ đồng đến 3 tỷ đồng/năm;

- Được trích thêm 10% trên tổng số tiền đã thực nộp vào ngân sách nhà nước đối với số nộp từ trên 3 tỷ đồng/năm.

2. Quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân).

a) Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế, mức phân bổ kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo được thực hiện như sau:

- Cấp tỉnh: 10 triệu đồng/văn bản.

- Cấp huyện: 8 triệu đồng/văn bản.

- Cấp xã: 6 triệu đồng/văn bản.

b) Đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành sửa đổi, bổ sung, mức phân bổ kinh phí cho cơ quan chủ trì soạn thảo được thực hiện như sau:

- Cấp tỉnh: 8 triệu đồng/văn bản.

- Cấp huyện: 6 triệu đồng/văn bản.

- Cấp xã: 4 triệu đồng/văn bản.

3. Quy định nội dung, mức chi cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

4. Bổ sung mức thu lệ phí đăng ký cư trú đã quy định tại Mục I, Phụ lục IX kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, số tạm trú là 15.000 đồng/lần đăng ký. Các nội dung khác về lệ phí đăng ký cư trú tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Khoản 9, Điều 2 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Phụ lục số IX Ban hành kèm theo Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

Bãi bỏ Phần I, Nghị quyết số 09/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, quy định kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; chế độ quản lý đặc thù đối với Đội tuyên truyền lưu động; chi tiêu tài chính đối với hoạt động thể thao và giải thi đấu thể thao; bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Mục II, Điều 1, Nghị quyết số 20/2012/NQ-HĐND ngày 15/12/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XII, quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc tổ chức chính trị - xã hội tại xã đặc biệt khó khăn và thôn, xóm, bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II; mức trích từ khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước của cơ quan thanh tra nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2017./.

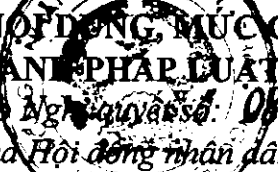
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP HĐND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Báo Thái Nguyên, TTTT tỉnh (để đăng);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa


Phụ lục: QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI CHO CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THI HÀNH PHÁP LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 08 /2017/NQ-HĐND ngày 21 /7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

I. Các nội dung quy định mức chi cụ thể

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
1	Chi công tác phí cho những người thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính	Đối tượng áp dụng, nội dung chi, chứng từ thanh toán, điều kiện được thanh toán thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị		
1.1	Thanh toán tiền chi phí đi lại		Thanh toán theo vé, hóa đơn, chứng từ hợp pháp hóa đơn thực tế	Nội dung các khoản chi phí đi lại được quy định tại Điều 5, Thông tư số 40/2017/TT-BTC
-	Thanh toán khoản tiền tự túc phương tiện cá nhân	Lít xăng/km	0,2	Nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; từ 15 km trở lên đối với các xã còn lại)
1.2	Phụ cấp lưu trú			
a	Mức phụ cấp lưu trú tính theo đợt công tác	Đồng/ngày	200.000	Tính từ ngày bắt đầu đi công tác đến khi kết thúc đợt công tác trở về cơ quan, đơn vị (bao gồm thời gian đi trên đường, thời gian lưu trú tại nơi đến công tác)
b	Mức phụ cấp lưu trú trong trường hợp đi công tác trong ngày	Đồng/ngày	150.000	Áp dụng trong trường hợp đi công tác đi và về trong ngày
1.3	Thanh toán thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác	Nguyên tắc thanh toán, điều kiện áp dụng theo quy định tại Khoản 1; điểm d, điểm đ, điểm e của Khoản 3, Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC		
a	Thanh toán theo hình thức khoán			
-	Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc	Đồng/ngày/ người	350.000	
-	Đi công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương; tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh	Đồng/ngày/ người	250.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
-	Đi công tác tại các vùng còn lại	Đồng/ngày/ người	200.000	
<i>b</i>	<i>Thanh toán theo hóa đơn thực tế</i>			
-	Đi công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh	Đồng/ngày/ phòng	700.000	Mức được chi tối đa, theo tiêu chuẩn 2 người/ phòng
-	Đi công tác tại các vùng còn lại	Đồng/ngày/ phòng	500.000	Mức được chi tối đa, theo tiêu chuẩn 2 người/ phòng
2	Chi điều tra, khảo sát, kiểm tra tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; chi hoạt động thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền	Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguồn kinh phí, lập dự toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia		
2.1	Chi hỗ trợ cơ quan chủ trì tổ chức điều tra thống kê xây dựng phương án điều tra thống kê, lập mẫu phiếu điều tra thống kê và tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê theo phương thức khoán			
<i>a</i>	<i>Chi xây dựng phương án điều tra thống kê và lập mẫu phiếu điều tra thống kê</i>		<i>Tối đa 7 triệu đồng</i>	<i>Căn cứ quy mô, tính chất điều tra, cơ quan tài chính thẩm định mức chi cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>
<i>b</i>	<i>Chi tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê</i>		<i>Tối đa 5 triệu đồng</i>	<i>Căn cứ quy mô, tính chất điều tra, cơ quan tài chính thẩm định mức chi cụ thể trình cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>
2.2	Chi in tài liệu hướng dẫn điều tra thống kê, sổ tay nghiệp vụ cho điều tra viên thống kê, phiếu điều tra thống kê, biểu mẫu điều tra thống kê, xuất bản ấn phẩm điều tra thống kê (nếu có)		Thanh toán theo thực tế thực hiện	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu mua sắm thường xuyên nhằm duy trì hoạt động của các cơ quan, đơn vị của nhà nước

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
2.3	Chi hội nghị tập huấn, tổng kết công tác điều tra			Thực hiện theo quy định tại Khoản 4 của Phụ lục này
2.4	Chi tiền công			
a	Chi tiền công thuê ngoài	Đồng/người/ ngày		
-	Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê, phiên dịch tiếng dân tộc kèm dẫn đường	Đồng/người/ ngày	Mức tiền công thuê ngoài để thực hiện các công việc nêu trên được tính bằng 70% theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm tiến hành Điều tra thống kê	Rà soát, lập danh sách đối tượng được điều tra thống kê (chỉ thực hiện trong trường hợp cần thiết phải thuê ngoài đối với cuộc điều tra thống kê được tiến hành điều tra thống kê lần đầu tiên hoặc các cuộc điều tra thống kê có thay đổi về đối tượng được điều tra theo quy định của phương án điều tra thống kê)
-	Thuê người dẫn đường không phải phiên dịch	Đồng/người/ ngày	Mức tiền công tính bằng 70% mức tiền công quy định tại ý 1, điểm a, Khoản 2.4, mục 2 tại Phụ lục này	
b	Trường hợp công chức cấp xã, phường, thị trấn tham gia rà soát, lập danh sách đơn vị được điều tra thống kê, thu thập số liệu điều tra thống kê, phúc tra phiếu điều tra thống kê	Đồng/người/ ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại ý 1, điểm a, khoản 2.4, mục 2 tại Phụ lục này	
c	Trường hợp cuộc điều tra thống kê có nội dung điều tra chuyên sâu, phức tạp, không sử dụng điều tra viên thống kê thuê ngoài mà sử dụng công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị để thực hiện điều tra thống kê	Đồng/người/ ngày	Mức tiền công tính bằng 50% mức tiền công quy định tại ý 1, điểm a, khoản 2.4, mục 2 tại Phụ lục này	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
-	Đối với trường hợp công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê ngoài giờ hành chính	Đồng/người/ ngày	Mức tiền công tính bằng mức tiền công quy định tại ý 1, điểm a, khoản 2.4, mục 2 tại Phụ lục này	Đã thanh toán mức chi này thì không được thanh toán tiền lương làm ngoài giờ, phụ cấp công tác phí
2.5	Chi đối tượng cung cấp thông tin			
a	Đối với tổ chức không phải là các cơ quan, đơn vị nhà nước	Đồng/phiếu		
-	Từ 30 chỉ tiêu trở xuống		60.000	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		70.000	
-	Trên 40 chỉ tiêu		80.000	
b	Đối tượng là cá nhân	Đồng/phiếu		
-	Từ 30 chỉ tiêu trở xuống		30.000	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		35.000	
-	Trên 40 chỉ tiêu		40.000	
c	Đối tượng cung cấp thông tin là các cơ quan, đơn vị của nhà nước	Đồng/phiếu		
-	Từ 30 chỉ tiêu trở xuống		30.000	
-	Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu		35.000	
-	Trên 40 chỉ tiêu		40.000	
2.6	Chi vận chuyển tài liệu điều tra thống kê, thuê xe phục vụ điều tra thống kê thực		Theo giá cước quy định tại địa phương	Vé xe, hợp đồng vận chuyển
2.7	Chi xử lý kết quả điều tra			
-	Nghiệm thu, kiểm tra, đánh mã số, làm sạch và hoàn thiện phiếu điều tra thống kê		Bằng 5% tiền công chi trả điều tra viên thống kê thu thập số liệu	
2.8	Các khoản chi khác phục vụ điều tra: Chi vật tư văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, xăng xe, chi khác		Mức chi theo thực tế thực hiện	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
2.9	Chi làm thêm giờ			Trong phạm vi dự toán được giao, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện điều tra thống kê thanh toán tiền làm thêm giờ theo quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, đánh giá các văn bản, tài liệu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nội dung phức tạp, phạm vi rộng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhiều cá nhân, tổ chức	Đồng/1 hồ sơ	400.000	
4	Chi tổ chức các cuộc họp, tập huấn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm trao đổi nghiệp vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính, hội nghị sơ kết, tổng kết tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính	Nội dung chi, chứng từ thanh toán thực hiện theo quy định của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính		
4.1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại Hội nghị			
a	Giảng viên, báo cáo viên, người có báo cáo tham luận là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND tỉnh, Phó Bí thư tỉnh uỷ và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học	Đồng/ buổi	800.000	Tùy theo đối tượng, mà các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức hội nghị tập huấn bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp. Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) theo quy định

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
b	Giảng viên, báo cáo viên, người có báo cáo tham luận là cấp Phó chủ tịch HĐND và UBND tỉnh, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính	Đồng/ buổi	600.000	Tùy theo đối tượng, mà các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì tổ chức hội nghị tập huấn bố trí mời giảng viên, báo cáo viên từng cấp cho phù hợp. Mức chi thù lao giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm cả thù lao soạn giáo án bài giảng) theo quy định
c	Giảng viên, báo cáo viên, người có báo cáo tham luận là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị ở trung ương và cấp tỉnh (ngoài 2 đối tượng nêu trên)	Đồng/ buổi	500.000	
d	Giảng viên, báo cáo viên, người có báo cáo tham luận là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị từ cấp huyện và tương đương trở xuống	Đồng/ buổi	300.000	
4.2	Chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên		Mức chi theo quy định tại Khoản 1.2 Mục 1 của Quy định này	Do cơ quan chủ trì tổ chức hội nghị chi (nội dung này phải ghi rõ trong giấy mời)
4.3	Chi giải khát giữa giờ	Đồng/đại biểu/ 1 buổi	20.000	
4.4	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời			
a	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành của thành phố trực thuộc Trung ương	Đồng/người/ ngày	200.000	
b	Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành, nội thị của thành phố trực thuộc tỉnh; tại các huyện, thị xã thuộc tỉnh	Đồng/người/ ngày	150.000	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
c	Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức	Đồng/người/ngày	100.000	
4.5	Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho khách mời		Mức chi theo quy định tại Khoản 1.3	
4.6	Chi hỗ trợ tiền thuê phương tiện đi lại cho khách mời		Mục 1 Quy định này	
4.7	Chi thuê hội trường, trang trí, âm thanh loa đài, văn phòng phẩm, chi khác..... phục vụ hội nghị		Thanh toán theo thực tế thực hiện	Trên cơ sở chứng chi hợp pháp, hợp đồng kinh tế
5	Chi công bố kết quả xử lý hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng		Theo định mức, đơn giá của các ngành có công việc tương tự	Theo chứng từ chi thực tế hợp pháp và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện

II. Các nội dung chi thực hiện theo văn bản dẫn chiếu

STT	Nội dung chi	Các văn bản dẫn chiếu để làm cơ sở thực hiện
6	Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính: Soạn thảo, góp ý, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính	Mức chi từng nội dung được thực hiện theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật; Nghị quyết của HĐND tỉnh Thái Nguyên quy định mức phân bổ kinh phí đảm bảo cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
7	Chi cho công tác hệ thống hóa, rà soát, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật trong theo dõi thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính	Thực hiện theo Nghị quyết số 30/2011/NQ-HĐND ngày 12/12/2011 của HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XII, kỳ họp thứ 3 quy định mức thu một số loại phí, lệ phí; mức chi đặc thù đảm bảo cho các nội dung kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao thuộc tỉnh Thái Nguyên
8	Chi cho công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật về xử lý vi phạm hành chính	Thực hiện theo Nghị quyết số 52/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XII, kỳ họp thứ 10 quy định về mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú (nội dung, điều kiện thanh toán,...)
9	Chi cho công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính			Mức chi quy định tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010, cơ quan tài chính thực hiện thẩm định và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định
10	Chi tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ cho những người làm công tác theo dõi pháp luật về xử lý vi phạm hành chính			Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2015/TT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức
11	Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính			Thực hiện theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên quy định và hướng dẫn một số nội dung về thi đua, khen thưởng của tỉnh Thái Nguyên
12	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính			Thực hiện theo quy định tại khoản 6, Phụ biểu Quy định về mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, được ban hành kèm Nghị quyết số 52/2014/NQ-HĐND ngày 25/7/2014 của HĐND tỉnh Thái Nguyên
13	Chi xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính			Thực hiện theo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi cho việc tạo lập, chuyển đổi thông tin điện tử, số hoá thông tin trên môi trường mạng phục vụ hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước
14	Các khoản chi khác có liên quan trực tiếp đến quản lý công tác thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính			Được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán hàng năm

Ghi chú: Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN